

Số: 347/KH-UBND

Gia Lộc, ngày 08 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số trên địa bàn xã Gia Lộc

Thực hiện Kế hoạch số 352/KH-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Ủy ban nhân dân xã Gia Lộc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số trên địa bàn xã Gia Lộc, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả các quy định của Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn xã.
- Cụ thể hóa các nhiệm vụ của địa phương theo Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BYT và Kế hoạch của UBND thành phố; xác định rõ nội dung công việc, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của từng phòng chuyên môn, đơn vị, thôn và các tổ chức có liên quan.
- Bảo đảm các chính sách hỗ trợ về dân số được triển khai đúng đối tượng, đúng điều kiện, đúng mức, đúng thẩm quyền; công khai, minh bạch, thuận tiện cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của xã.
- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các phòng chuyên môn, đơn vị, thôn, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong thực hiện chính sách dân số và phát triển; góp phần duy trì mức sinh thay thế, nâng cao chất lượng dân số, thích ứng với già hóa dân số và tăng cường chăm sóc người cao tuổi.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của UBND xã; phát huy vai trò đầu mối của Trạm Y tế trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn về dân số và sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên của các phòng chuyên môn, đơn vị, thôn và

các tổ chức có liên quan.

- Các nhiệm vụ phải gắn với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng phòng chuyên môn, đơn vị; bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức, lãng phí.

- Bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, Quyết định số 2141/QĐ-BYT, các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và các văn bản hướng dẫn chuyên môn có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, kịp thời giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

II. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH VÀ ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ

1. Tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân số

1.1. Nội dung

- Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn thi hành và các chính sách của thành phố về dân số.

- Nội dung, hình thức tuyên truyền thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế, UBND thành phố và phù hợp với điều kiện thực tế của xã, từng nhóm đối tượng và địa bàn.

- Tập trung tuyên truyền về:

- + Chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con;
- + Chính sách sàng lọc trước sinh, sơ sinh;
- + Chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng;
- + Chính sách, chế độ đối với cộng tác viên dân số;
- + Các chính sách của thành phố quy định tại Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND;
- + Quyền, nghĩa vụ của cá nhân, gia đình và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hiện chính sách dân số.

1.2. Thời gian thực hiện

Từ năm 2026 và thực hiện thường xuyên trong giai đoạn 2026-2030.

2. Hỗ trợ tài chính khi sinh con

2.1. Đối tượng, điều kiện và thời điểm thực hiện

a) Phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người

- Đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện theo điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Chính sách có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

b) Phụ nữ ở tỉnh, thành phố có mức sinh dưới mức sinh thay thế

- Đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Việc xác định tình trạng mức sinh, thời điểm áp dụng chính sách thực hiện theo Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.

c) Phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi

- Đối tượng, điều kiện và trình tự, thủ tục thực hiện theo điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Đồng thời thực hiện chính sách hỗ trợ theo Điều 3 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố: hỗ trợ một lần bằng tiền 3.000.000 đồng đối với phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi có đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Trường hợp đồng thời thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND thì thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và quy định của Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND, bảo đảm không chi trùng chính sách.

- Chính sách quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027; chính sách hỗ trợ theo Điều 3 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND thực hiện trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực.

2.2. Mức hỗ trợ

- Đối với phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người: thực hiện mức hỗ trợ tối thiểu 2.000.000 đồng/phụ nữ khi sinh con theo điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; trường hợp có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo văn bản mới kể từ thời điểm có hiệu lực.

- Tại Hải Phòng, trường hợp thành phố thuộc địa bàn có mức sinh dưới mức sinh thay thế: thực hiện mức hỗ trợ tối thiểu 2.000.000 đồng/phụ nữ khi sinh con theo điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP kể từ thời điểm chính sách có hiệu lực.

- Đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi: thực hiện mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/lần theo Điều 3 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND; trường hợp có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo văn bản mới kể từ thời điểm có hiệu lực.

2.3. Trình tự, thủ tục

- Chủ tịch UBND xã căn cứ thông tin từ hệ thống liên thông thủ tục đăng ký khai sinh, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) và các cơ sở dữ liệu có sẵn để quyết định hỗ trợ kinh phí và thực hiện chi trả cho phụ nữ sinh con theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- UBND xã chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin, bảo đảm chi đúng đối tượng, đúng điều kiện, không trùng lặp và không bỏ sót đối tượng.

3. Hỗ trợ khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh

3.1. Phạm vi, đối tượng

Phạm vi bệnh, đối tượng khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh thực hiện theo Điều 9 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, Thông tư số 12/2026/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các hướng dẫn chuyên môn có liên quan.

3.2. Mức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ khám sàng lọc trước sinh, sơ sinh thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Sàng lọc trước sinh: thanh toán theo thực tế nhưng tối đa không quá 900.000 đồng/trường hợp.

- Sàng lọc sơ sinh: thanh toán theo thực tế nhưng tối đa không quá 600.000 đồng/trường hợp.

- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giá gói dịch vụ thì thực hiện mức hỗ trợ theo giá gói dịch vụ được phê duyệt.

3.3. Lộ trình thực hiện

- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026: thực hiện chính sách hỗ trợ đối với phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh thuộc đối tượng theo quy định tại Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027: thực hiện chính sách hỗ trợ đối với phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh theo Điều 9 và điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và nguồn kinh phí theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

3.4. Phương thức thực hiện

- Việc chi trả và tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

- Trạm Y tế xã phối hợp với các cơ sở y tế được giao nhiệm vụ thực hiện sàng lọc trước sinh, sơ sinh; tuyên truyền, tư vấn, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ theo quy định.

- Thực hiện đào tạo, hỗ trợ và chuyển giao kỹ thuật theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và cơ quan y tế cấp trên.

4. Chăm sóc người cao tuổi tại nhà và tại cộng đồng

4.1. Chăm sóc người cao tuổi tại nhà

Nội dung chăm sóc, người thực hiện chăm sóc và các điều kiện liên quan thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

Việc tập huấn, hướng dẫn chuyên môn thực hiện theo Quyết định số 1976/QĐ-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2026 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

4.2. Chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng

a) Câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng

- Hình thức tổ chức và nội dung hoạt động thực hiện theo Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Việc thành lập, duy trì và hoạt động của câu lạc bộ thực hiện theo quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

b) Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng

- Việc tổ chức, địa điểm, nội dung chăm sóc và người thực hiện chăm sóc thực hiện theo Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Căn cứ tình hình, điều kiện thực tế, Chủ tịch UBND xã xem xét, quyết định thành lập điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng thuộc Trạm Y tế xã theo khoản 3 Điều 7 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

c) Người thực hiện chăm sóc

Tình nguyện viên, người làm chuyên môn tại Trạm Y tế xã, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, nhân viên công tác xã hội và các đối tượng có liên quan thực hiện nhiệm vụ theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; việc tập huấn thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

5. Chính sách, chế độ đối với cộng tác viên dân số

5.1. Đối tượng và nhiệm vụ

Cộng tác viên dân số thực hiện theo khoản 1 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các tiêu chuẩn, nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định, hướng dẫn.

5.2. Chế độ thù lao hằng tháng

- Mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số thực hiện theo khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Đối với cộng tác viên dân số tại các thôn trên địa bàn xã Gia Lộc, mức hỗ trợ hằng tháng thực hiện theo Phụ lục 2 và Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị

quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố.

5.3. Chính sách hỗ trợ cộng tác viên dân số tiêu biểu

Ngoài chế độ thù lao hằng tháng theo quy định, thực hiện chính sách hỗ trợ hằng năm 2.000.000 đồng/cộng tác viên/xã đối với cộng tác viên dân số đạt các tiêu chí quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.

5.4. Việc bố trí, quản lý và phân công

- Việc bố trí số lượng, chức danh, chế độ kiêm nhiệm và mức hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động ở thôn thực hiện theo Điều 3, Điều 4 và Phụ lục 2, Phụ lục 3 Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND.

- Chủ tịch UBND xã quyết định công nhận, phân công cộng tác viên dân số phụ trách địa bàn theo thẩm quyền; chỉ đạo Trạm Y tế xã hướng dẫn chuyên môn, theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả hoạt động.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân số

- Tổ chức quán triệt, phổ biến Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, Quyết định số 2141/QĐ-BYT, các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và các văn bản hướng dẫn thi hành đến cán bộ, công chức, viên chức, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trên địa bàn.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chính sách dân số; chú trọng chính sách hỗ trợ sinh con, sàng lọc trước sinh, sơ sinh, chăm sóc người cao tuổi và hoạt động của cộng tác viên dân số.

- Đổi mới nội dung, hình thức truyền thông, bảo đảm thiết thực, dễ hiểu, phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng địa bàn.

- Phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội, Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công, Hội Người cao tuổi và đội ngũ cộng tác viên dân số trong tuyên truyền, vận động.

2. Tổ chức thực hiện các quy định

- Tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của UBND xã theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, Quyết định số 2141/QĐ-BYT, Kế hoạch của UBND thành phố và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Thực hiện các nội dung chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế, tập trung vào chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng; sàng lọc trước sinh, sơ sinh; tư vấn và các nội dung chuyên môn khác về dân số.

- Đối với những nội dung đã được quy định cụ thể tại văn bản của Trung

ương và thành phố, thực hiện đúng quy định, không đặt thêm điều kiện, thành phần hồ sơ hoặc thủ tục ngoài quy định.

- Chủ động cập nhật, tham mưu điều chỉnh việc tổ chức thực hiện khi có văn bản pháp luật, hướng dẫn mới được ban hành.

3. Thực hiện chính sách hỗ trợ sinh con

- Triển khai chính sách hỗ trợ sinh con theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và thời điểm thực hiện.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ của thành phố theo Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Bảo đảm việc thực hiện các chính sách hỗ trợ thống nhất, không trùng lặp, chồng chéo; trường hợp đồng thời thuộc nhiều chính sách thì thực hiện theo nguyên tắc và điều kiện của từng chính sách.

- Khai thác, kết nối, đối soát thông tin từ hệ thống đăng ký khai sinh, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, VNeID và các cơ sở dữ liệu có liên quan để phục vụ xác định đối tượng và thực hiện chi trả.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc xét duyệt và chi trả; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc báo cáo xử lý các trường hợp chi hỗ trợ không đúng đối tượng, điều kiện theo quy định.

4. Đẩy mạnh sàng lọc trước sinh và sơ sinh

- Tổ chức thực hiện các nội dung về sàng lọc trước sinh, sơ sinh theo Điều 9, Điều 10 và Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

- Củng cố hoạt động tư vấn, tuyên truyền, vận động phụ nữ mang thai và gia đình đưa trẻ sơ sinh tham gia sàng lọc theo quy định.

- Phối hợp với các cơ sở y tế được giao nhiệm vụ thực hiện sàng lọc để bảo đảm người dân trên địa bàn được tiếp cận dịch vụ theo quy định.

- Thực hiện hỗ trợ chi phí sàng lọc đúng đối tượng, phạm vi, mức hỗ trợ và nguồn kinh phí theo từng giai đoạn.

- Chủ động chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết để triển khai chính sách theo lộ trình từ năm 2027.

- Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện và báo cáo cơ quan chuyên môn cấp trên theo quy định.

5. Chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng

- Tổ chức thực hiện các hình thức chăm sóc người cao tuổi tại gia đình, cộng đồng theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

- Căn cứ điều kiện thực tế, tổ chức, duy trì các hoạt động, mô hình, câu lạc bộ và xem xét thành lập điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng

đồng phù hợp với nhu cầu của người dân.

- Tăng cường chăm sóc sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ, lập và quản lý hồ sơ sức khỏe người cao tuổi theo hướng dẫn chuyên môn.

- Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, Hội Người cao tuổi, MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi.

- Lồng ghép các nguồn lực, chương trình, chính sách của Trung ương và thành phố để nâng cao hiệu quả chăm sóc người cao tuổi tại cơ sở.

6. Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của cộng tác viên dân số

- Thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, đào tạo, tập huấn và chế độ đối với cộng tác viên dân số theo Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Bố trí, quản lý cộng tác viên dân số phù hợp với số lượng, chức danh và mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm của cộng tác viên dân số.

- Phát huy vai trò của cộng tác viên dân số trong tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin và hỗ trợ triển khai chính sách dân số tại cộng đồng.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cộng tác viên dân số theo quy định.

7. Bảo đảm nguồn lực thực hiện

- Chủ động cân đối, bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách xã và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch.

- Bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ sinh con, sàng lọc trước sinh, sơ sinh, chăm sóc người cao tuổi, đào tạo, tập huấn và truyền thông về dân số theo phân cấp và quy định hiện hành.

- Chủ động chuẩn bị nguồn lực thực hiện chính sách sàng lọc từ năm 2027 theo quy định tại Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ các chương trình, đề án, dự án và các nguồn hợp pháp khác; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

8. Tăng cường phối hợp, kiểm tra, giám sát

- Phân công rõ trách nhiệm của từng phòng chuyên môn, đơn vị, thôn; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tại cơ sở, nhất là việc xác định đối tượng, xét duyệt, chi trả hỗ trợ, cung cấp dịch vụ và quản lý, sử dụng kinh phí.

- Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp thực hiện chưa đúng quy định.

- Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, xác định những vấn đề còn khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

9. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

- Các phòng chuyên môn, đơn vị, thôn thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Chủ động tổng hợp, phản ánh những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện; đề xuất cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, giải quyết.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện trên địa bàn xã; báo cáo UBND thành phố và cơ quan chuyên môn cấp trên theo quy định.

- Thường xuyên cập nhật, đánh giá kết quả thực hiện để tham mưu điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

- Kinh phí hỗ trợ tài chính khi sinh con thực hiện theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và Điều 7 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.

- Kinh phí hỗ trợ khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Kinh phí thực hiện chăm sóc người cao tuổi, trong đó có hoạt động của điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng, thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Kinh phí thực hiện chế độ đối với cộng tác viên dân số thực hiện theo Điều 11, Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND và Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.

2. Lập, phân bổ và sử dụng kinh phí

- Các phòng chuyên môn, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động lập dự toán kinh phí hằng năm, gửi Phòng Kinh tế tổng hợp, tham mưu UBND xã xem xét, bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Là đầu mối tham mưu UBND xã theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển

khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với Trạm Y tế và các phòng, đơn vị liên quan tham mưu tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về dân số.

- Chủ trì, phối hợp với Trạm Y tế, Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về dân số.

- Phối hợp triển khai chính sách chăm sóc người cao tuổi, chính sách hỗ trợ sinh con và các chính sách dân số khác thuộc trách nhiệm của UBND xã.

- Theo dõi việc thực hiện chính sách đối với cộng tác viên dân số; phối hợp tham mưu thực hiện chế độ, chính sách theo quy định.

- Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; tham mưu UBND xã báo cáo UBND thành phố và Sở Y tế theo quy định.

2. Trạm Y tế xã

- Là đầu mối chuyên môn trực tiếp thực hiện công tác dân số trên địa bàn xã; chủ trì triển khai các nhiệm vụ chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế và cơ quan y tế cấp trên.

- Chủ trì tuyên truyền, tư vấn, hướng dẫn chuyên môn về chính sách dân số; đặc biệt là hỗ trợ sinh con, sàng lọc trước sinh, sơ sinh và chăm sóc người cao tuổi.

- Thực hiện, hướng dẫn và theo dõi việc sàng lọc trước sinh, sơ sinh; phối hợp với cơ sở y tế được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sàng lọc.

- Chủ trì triển khai các hoạt động chăm sóc người cao tuổi tại nhà và cộng đồng; hướng dẫn chuyên môn cho người tham gia chăm sóc.

- Hướng dẫn chuyên môn, theo dõi, kiểm tra và đánh giá hoạt động của cộng tác viên dân số.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội rà soát, tổng hợp số liệu, báo cáo tình hình thực hiện chính sách dân số.

3. Phòng Kinh tế

- Chủ trì tham mưu UBND xã về nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và quy định hiện hành.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, Trạm Y tế tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ.

- Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Công an xã

- Phối hợp bảo đảm thông tin dân cư chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ việc xác định đối tượng thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, Trạm Y tế trong khai thác, đối soát thông tin dân cư, thông tin định danh điện tử phục vụ thực hiện chính sách dân số theo quy định của pháp luật về dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

5. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công

- Chủ trì tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân số trên hệ thống truyền thanh cơ sở và các hình thức truyền thông phù hợp.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, Trạm Y tế xây dựng nội dung tuyên truyền thiết thực, dễ hiểu, dễ tiếp cận đối với từng nhóm đối tượng.

- Tăng cường tuyên truyền về chính sách hỗ trợ sinh con, sàng lọc trước sinh, sơ sinh, chăm sóc người cao tuổi và các chính sách dân số khác.

6. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã

- Phối hợp tuyên truyền, phổ biến chính sách dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, tư vấn và giáo dục phù hợp với học sinh theo hướng dẫn của ngành Giáo dục và cơ quan chuyên môn.

- Phối hợp cung cấp, xác nhận thông tin liên quan đến học sinh thuộc đối tượng thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định.

7. Hội Người cao tuổi xã

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, người cao tuổi thực hiện các chính sách về dân số và chăm sóc người cao tuổi.

- Phối hợp với UBND xã, Trạm Y tế duy trì, phát triển các câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng.

- Phối hợp rà soát nhu cầu chăm sóc người cao tuổi, vận động nguồn lực xã hội hợp pháp phục vụ công tác chăm sóc người cao tuổi.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chính sách dân số.

- Phát huy vai trò giám sát việc thực hiện chính sách dân số tại cơ sở; kịp thời phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân.

- Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng theo quy định.

9. Các thôn trên địa bàn xã

- Phối hợp tuyên truyền, phổ biến chính sách dân số đến Nhân dân.

- Phối hợp với Trạm Y tế rà soát, xác định đối tượng thụ hưởng chính sách; cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác theo yêu cầu.

- Phối hợp triển khai các hoạt động chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng.

- Tạo điều kiện để cộng tác viên dân số thực hiện nhiệm vụ tại địa bàn;

phối hợp theo dõi, phản ánh tình hình thực hiện chính sách dân số.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ trên địa bàn xã Gia Lộc. UBND xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị, các thôn nghiêm túc triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về UBND xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để tổng hợp, tham mưu giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VHXXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



hnt

Nguyễn Thị Thu